

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-PT

Ngày: 18-01-2021

***V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ H Khải

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Hùng Vĩ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2020/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 202/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 92/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh H; địa chỉ khu vực A, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương V – Luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm P; địa chỉ ấp A, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Ông Phạm V; địa chỉ ấp A, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/12/2019 quá trình giải quyết thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh H trình bày: Vào ngày 26/11/2018 ông có cho ông Phạm P và ông Phạm V vay số tiền 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, việc vay tiền ông P và ông V có viết biên nhận nợ, thỏa thuận đến ngày 26/02/2019 ông P và ông V sẽ trả số tiền trên. Tuy nhiên khoản vay này ông P, V chỉ đóng lãi được 45.000.000^d (Bốn mươi lăm triệu đồng), chưa trả vốn. Đến ngày 04/12/2018 ông P và ông V vay thêm 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, khoản vay này chỉ có ông V viết biên nhận nhưng ông P là người trực tiếp hỏi tiền ông, thỏa thuận thời hạn thanh toán ngày 15/12/2018 khoản vay này ông P, V chưa trả vốn lãi. Nay ông yêu cầu ông P, ông V trả số tiền vay 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 26/11/2018 và lãi suất theo quy định của pháp luật, ông đồng ý trừ lại số tiền lãi 45.000.000^d (Bốn mươi lăm triệu đồng) ông P, ông V đã đóng. Ông yêu cầu ông V trả số tiền vay theo biên nhận ngày 04/12/2018 và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản ngày 10/01/2020 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn Phạm P trình bày: Ông thừa nhận ông và con ông là Phạm V có vay của ông H số tiền 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 26/11/2018, ông và V có viết biên nhận cho ông H. Tuy nhiên sau khi vay về thì toàn bộ số tiền này ông V sử dụng ông không có sử dụng. Đối với khoảng vay 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng) ngày 04/12/2018 ông V có vay của ông H hay không thì ông không biết và cũng không có ký tên vào biên nhận và cũng không có sử dụng số tiền vay này. Lãi suất thỏa thuận cụ thể giữa ông V và ông H như thế nào ông không biết, nhưng ông V có gửi tiền về cho ông đóng lãi cho ông H là 15.000.000^d/300.000.000^d. Sau đó ông V làm ăn thua lỗ nên ông có điện thoại cho ông H xin giảm lãi và xin đóng kỳ hạn 03 tháng 01 lần, ông H đồng ý giảm tiền lãi là 10.800.000^d/03 tháng/300.000.000^d, ông đóng được thêm 03 lần = 09 tháng với số tiền 30.000.000^d + 15.000.000^d tháng đầu tiên = 45.000.000^d (Bốn mươi lăm triệu đồng). Từ tháng 9/2019 đến nay thì ông và V ngưng đóng lãi của khoảng vay 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng). Đối với khoảng vay ngày 04/12/2018 thì ông V chưa trả vốn và đóng lãi.

Nay ông H yêu cầu ông và V trả số tiền 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 26/11/2018 ông không đồng ý vì ông không có sử dụng số

tiền này, phần nợ này là của Phạm V thì có trách nhiệm trả. Đối với số tiền vay 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng) ngày 04/12/2018 ông không có vay nên không đồng ý theo yêu cầu của ông H.

Hiện nay Phạm V đã đi lao động tại Hàn Quốc, đi theo dạng du lịch rồi trốn lại làm thuê không về, ông không biết địa chỉ cụ thể của V hiện nay ở đâu, còn V thì vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú cùng với ông tại ấp A, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Sau khi nhận được giấy triệu tập của Tòa án ông có thông báo cho V biết về việc ông H yêu cầu trả số nợ 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng), ông V không về được nhưng yêu cầu ông H cho thời gian trả nợ, 06 tháng trả 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Tại văn bản ngày 29/5/2020 bị đơn ông Phạm V trình bày: Hiện nay gia đình gặp nhiều khó khăn, ông đang làm thuê ở nước ngoài, đối với số nợ ông H ông xin 06 tháng trả 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng).

Tại bản án sơ thẩm số: 59/2020/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh H.

Buộc bị đơn ông Phạm P, ông Phạm V có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh H số tiền vốn lãi theo biên nhận hỏi tiền ngày 26/11/2018 là 350.023.000^d (Ba trăm năm mươi triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó vốn là 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng), lãi là 50.023.000^d (Năm mươi triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Buộc bị đơn ông Phạm V có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh H số tiền vốn lãi theo biên nhận hỏi tiền ngày 04/12/2018 là 39.368.000^d (Ba mươi chín triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng), trong đó vốn là 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng), lãi là 9.368.000^d (Chín triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Huỳnh H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 bị đơn ông Phạm P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm số: 59/2020/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang; buộc ông Phạm V trả cho ông Huỳnh H hai khoản tiền vay 350.023.000^d (Ba trăm năm mươi triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng) và 39.368.000^d (Ba mươi chín triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo ông Phạm P giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và buộc trách nhiệm cá nhân của ông Phạm V trả toàn bộ số nợ của 02 khoản vay cho ông Huỳnh Văn H, ông P không phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông H.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông Huỳnh Văn H và ông H đều cho rằng, việc vay tiền đã được thể hiện rõ trong biên nhận nợ; Đối với biên nhận hỏi tiền ngày 26/11/2018 mà ông P kháng cáo, trong quá trình giải quyết và cũng như tại tòa ngày hôm nay ông P vẫn thừa nhận ông cùng con là ông V trực tiếp ký nhận nợ, ông chỉ nại ra lý do ông không sử dụng nên không đồng ý trả là không có cơ sở. Nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng của cấp phúc thẩm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, có đối tượng đang tranh chấp ông Phạm V đang ở nước ngoài nhưng cấp sơ thẩm vẫn thụ lý và tiến hành thủ tục tố tụng và xét xử là xác định không đúng thẩm quyền vi phạm tố tụng dân sự; Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy án sơ thẩm; Xác định lại thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đề nghị hủy án nên về nội dung đại diện Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên cho rằng căn cứ theo công văn số 142/PA01-XNC, ngày 22/01/2020 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hậu Giang, xác định ông Phạm V xuất cảnh từ ngày 20/6/2019 và nhập cảnh trở lại ngày 09/01/2020 (Bút lục 23); Theo thời gian như công văn nêu trên thì việc Tòa án thị xã L thụ lý vụ án vào ngày 08/01/2020 là trước ngày ông V về nước, nên ông V thuộc đối tượng được quy định của pháp luật là có yếu tố nước ngoài không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý xét xử là sai thẩm quyền, nên đề nghị hủy án. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc đánh giá của Viện kiểm sát tại phiên tòa về mốc thời gian thụ lý đương sự V đang ở nước ngoài là đúng; Tuy nhiên, đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng vay và người khởi kiện đã căn cứ vào địa chỉ thể hiện trong biên nhận, giai đoạn này khi thụ lý vụ án cấp sơ thẩm chưa thể xác định được bị đơn đã xuất cảnh ra nước ngoài nên vẫn tiến hành thụ lý theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Sau khi thụ lý cấp sơ thẩm đã có công văn gửi đến cơ

quan có thẩm quyền và tại công văn số 142/PA01-XNC, ngày 22/01/2020 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hậu Giang cũng đã xác định ông V đã nhập cảnh trở về nước vào ngày 09/01/2020 sau ngày thụ lý 01 ngày và chưa có thông tin xuất cảnh, nên cấp sơ thẩm vẫn tiến hành các bước thủ tục và giải quyết vụ án theo trình tự quy định của pháp luật xác định ông V có ghi địa chỉ trong biên nhận phù hợp với địa chỉ cùng hộ khẩu với ông P và cơ quan chuyên môn cũng xác định ông V về nước chưa xuất cảnh, nên trường hợp này không cần thiết xem ông V là trường hợp có yếu tố nước ngoài để chuyển thẩm quyền. Mặc khác ông V cũng đã biết được việc ông H khởi kiện và cũng đã làm đơn xét xử vắng mặt, xin trả dần, đơn được gửi ở giai đoạn sơ thẩm cũng như phúc thẩm hôm nay, do chính ông P là cha của ông V cung cấp; từ việc ông V biết được vụ kiện nhưng không đến tòa án để trình bày ý kiến của mình, cố tình né tránh gây khó khăn cho quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án, cấp sơ thẩm đã thực hiện các bước thủ tố tụng và xét xử vắng mặt là đảm bảo đúng tố tụng; Nên xét thấy hủy án theo đề nghị của Viện kiểm sát để xác định thẩm quyền và xét xử lại là không cần thiết trong khi có công văn số 142/PA01-XNC, ngày 22/01/2020 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hậu Giang và công văn số 3458/QLXNC-P5, ngày 16/11/2010 của cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an đều xác định ông V nhập cảnh về nước từ 09/01/2020.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phạm P cho rằng, ông thừa nhận có ký vào biên nhận nợ ngày 26/11/2018 nhưng chỉ là ký chứng kiến cho con ông là Phạm V vay và ông không sử dụng số tiền vay mà ông V con ông mới là người trực tiếp sử dụng nên ông không đồng ý trả nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa ngày hôm nay ông P cũng thừa nhận khi giao tiền ông H trực tiếp giao tiền mặt có mặt ông và con là ông V và ông cũng thừa nhận trực tiếp ký vào biên nhận ngày 26/11/2018. Đối chiếu biên nhận ngày 26/11/2018 thì ông P và ông V đều ký tên vào cột người hỏi tiền và cũng chính ông P cũng thừa nhận là ông là người trực tiếp trả tiền lãi cho ông H, nhưng ông cho rằng con ông gửi tiền đưa ông đóng lãi. Mặc dù ông P không thừa nhận vay nhưng tất cả các chứng cứ như biên nhận, người trả lãi đều do ông P trực tiếp thực hiện, nên cấp sơ thẩm xác định ông P và ông V có nghĩa vụ trả nợ theo biên nhận nợ ngày 26/11/2018 vốn là 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng) và lãi là có căn cứ.

Ông P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản vay theo theo biên nhận hỏi tiền ngày 04/12/2018 và những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm P.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm 59/2020/DS-ST, ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh H.

Buộc bị đơn ông Phạm P, ông Phạm V có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh H số tiền vốn lãi theo biên nhận hỏi tiền ngày 26/11/2018 là 350.023.000^d (Ba trăm năm mươi triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó vốn là 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng), lãi là 50.023.000^d (Năm mươi triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Buộc bị đơn ông Phạm V có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh H số tiền vốn lãi theo biên nhận hỏi tiền ngày 04/12/2018 là 39.368.000^d (Ba mươi chín triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng), trong đó vốn là 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng), lãi là 9.368.000^d (Chín triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Huỳnh H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm P được miễn. Ông Phạm V phải chịu 10.718.975^d (mười triệu bảy trăm mười tám nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng).

Ông Huỳnh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000^d (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0000737, ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm P được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 18 tháng 01 năm 2021.

Nơi nhận:

- *VKSND tỉnh Hậu Giang;*
- *TAND TX. L;*
- *Chi cục THADS TX. L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải